TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS - ST
Ngày 20 - 8 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Văn Thông.

2. Phan Duy Lục.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2021/TLST - DS ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST - DS ngày 30 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1, Nguyên đơn: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1977 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn H, xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

2 Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn H, xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn H, xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 3 năm 2021, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày:

Chị là chị dâu chị Nguyễn Thị T, chồng chị là Hoàng Văn H là anh trai ruột của anh Hoàng Văn H chồng chị T. Do quan hệ anh em ruột trong gia đình nên năm 2019 chị cho chị Nguyễn Thị T là vợ anh Hoàng Văn H vay tiền nhiều lần, tổng số tiền cho vay là 170.000.000 đồng. Khi cho vay không có giấy tờ biên nhận gì, lãi suất hai bên thỏa thuận hàng tháng chị T vẫn trả lãi cho chị từ tháng 02/2020 đến nay không trả tiền lãi do vậy ngày 05/10/2020 tại nhà chị, chị Nguyễn Thị T viết giấy biên nhận vay nợ số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất

không ghi, hẹn trả ngày 20/12/2020. Cũng trong ngày 05/10/2020 tại nhà chị, chị Nguyễn Thị T viết giấy biên nhận vay nợ số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất không ghi, hẹn trả ngày 20/11/2020. Cả hai giấy biên nhận vay tiền này chị T đều viết và ký tên chị T và ký thay tên anh Hoàng Văn H là chồng chị T. Đến ngày 12/12/2020 cũng tại nhà chị, chị T viết giấy biên nhận vay nợ số tiền 36.800.000 đồng, lãi suất không ghi, hẹn trả ngày 15/12/2020 (trong đó có 15.000.000 đồng là của em chồng chị là chị Hoàng Thị L trả cho chị nhưng chị T vay luôn và nợ tiền mua gạo, mua bún và tiền lãi chị trả lãi thay cho chị T.

Đến hạn trả nợ chị T không trả nợ cho chị. Chị đã nhiều lần yêu cầu chị T trả nợ nhưng chị T không trả. Vì vậy chị khởi kiện yêu cầu anh H, chị T phải trả cho chị tổng số tiền 176.800.000 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng) chị tự nguyện không yêu cầu anh H, chị T phải trả lãi từ tháng 3/2020 đến nay. Tại phiên tòa chị H chỉ yêu cầu chị T trả cho chị số tiền vay là 176.800.000 đồng, chị không yêu cầu anh H phải trả nợ cho chị vì khi vay chỉ có chị T là người vay tiền, anh H không có liên quan gì, chữ ký Hoàng Văn H trong giấy vay tiền cũng là do chị T ký thay. Số tiền cho chị T vay là do chị vay của dòng họ Ngô để cho chị T vay, không phải là tiền của vợ chồng chị nên chị không đề nghị Tòa án đưa chồng chị là Hoàng Văn H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Mối quan hệ gia đình như chị H trình bày là đúng, năm 2019 chị có vay của chị H 170.000.000 đồng (vay làm 03 lần: lần 1 vay 40.000.000 đồng, lần 2 vay 100.000.000 đồng, lần 3 vay 30.000.000 đồng). Khi vay không viết giấy tờ biên nhận gì, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, chị đã trả lãi cho chị H đến tháng 02/2020. Tháng 8/2020 chị trả cho chị H 30.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 140.000.000 đồng tiền gốc. Ngày 05/10/2020 chị H yêu cầu chị viết giấy biên nhận vay nợ nên chị đã viết hai giấy vay nợ một giấy vay số tiền 40.000.000 đồng hẹn trả ngày 20/12/2020 và một giấy vay nợ số tiền 100.000.000 đồng hẹn trả ngày 20/11/2020, cả hai giấy này chị đều ký tên Hoàng Văn H là chồng chị để cho chị H yên tâm. Chị T thừa nhận đối với giấy biên nhận vay nợ đề ngày 12/12/2020 số tiền 36.800.000 đồng, trong đó 15.000.000 đồng là tiền chị Hoàng Thị L trả chị H thì chị vay luôn, còn lại là tiền mua gạo, mua bún và tiền lãi chứ không phải toàn bộ là tiền vay. Số tiền chị vay để làm ăn kinh doanh không liên quan gì đến chồng chị là Hoàng Văn H. Chị T thừa nhận đến nay chị nợ chị H tổng số 176.800.000 đồng như chị H yêu cầu là đúng. Chị đề nghị chị H cho xin số tiền 36.800.000 đồng nếu chị H không đồng ý thì chị nhất trí trả và đề nghị được trả dần trong 03 năm. Đối với số tiền lãi chị đã trả cho chị H trong năm 2019 khi trả chị đưa trực tiếp không có giấy tờ gì, chị cũng không nhớ là trả bao nhiêu lãi, việc trả lại là tự nguyện thỏa thuận nên chị không đề nghị phải tính lại tiền lãi đã trả. Số tiền lãi từ tháng

3/2020 đến nay chị H không yêu cầu chị hoàn toàn nhất trí.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn H Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh Hùng không đến Tòa làm việc, Tòa án giao giấy triệu tập cho chị T báo gọi chị T và anh H đến Tòa án làm việc nhưng anh Hùng và chị T cũng không đến Tòa. Tòa án đến nhà chị T nhưng cũng không gặp được anh H nên không lấy được lời khai của anh H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng theo quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị Ngô Thị H số tiền 176.800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngày 25/3/2021 chị Ngô Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị số tiền còn nợ. Do đó tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có hộ khẩu tại xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Như vậy Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự thể hiện: Năm 2019 chị Ngô Thị H cho chị Nguyễn Thị T vay 170.000.000 đồng, khi cho vay hai bên không viết giấy tờ biên nhận, quá trình thực hiện hợp đồng chị T đã trả tiền lãi nhiều lần và trả được tiền gốc 30.000.000 đồng. Đến tháng 02/2020 thì chị T không trả được tiền lãi cho chị H nữa do vậy ngày 05/10/2020 tại nhà chị H, chị Nguyễn Thị T đã viết giấy biên nhận vay nợ số tiền 40.000.000 đồng, hẹn trả ngày 20/12/2020 và viết giấy biên nhận vay nợ số tiền 100.000.000 đồng, hẹn trả ngày 20/11/2020. Đến ngày 12/12/2020 cũng tại nhà chị H, chị T viết giấy biên nhận vay nợ số tiền 36.800.000 đồng, hẹn trả ngày

15/12/2020. Đến hạn trả nợ chị T không trả được nợ theo như thỏa thuận, do vậy ngày 25/3/2021 chị H khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn H trả nợ. Xét yêu cầu của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng năm 2019 chị H cho chị T vay tiền nhiều lần, tổng số tiền 170.000.000 đồng khi vay hai bên không viết giấy tờ biên nhận gì, lãi suất theo thỏa thuận chị T trả tiền lãi cho chị H đến tháng 02/2020 thì không trả nữa, do vậy ngày 05/10/2020 chị T viết hai giấy nhận nợ cho chị H tổng số nợ 140.000.000 đồng. Tháng 12/2020 chị T viết giấy nhận nợ cho chị H số tiền 36.800.000 đồng. Đến nay chị T và chị H đều thừa nhận chị T đã trả cho chị H 30.000.000 đồng tiền gốc. Đối với số tiền 36.800.000 đồng chị T viết giấy nhận nợ cho chị H trong đó có 15.000.000 đồng là tiền chị T nhận từ chị Hoàng Thị L trả cho chị H, chị T vay luôn còn lại là tiền mua gạo, mua bún và tiền lãi chị H đã trả thay cho chị T, nhưng chị H và chị T đều không nhớ rõ số tiền mua bún và mua gạo là bao nhiêu, tiền lãi là bao nhiêu. Chị T thừa nhận nợ chị H số tiền 176.800.000 đồng. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn vì vậy khi đến hạn trả nợ chị H yêu cầu trả nợ tiền vay thì chị T phải có nghĩa vụ trả nợ. Về lãi suất tuy giấy vay nợ không ghi nhưng các bên đều thừa nhận lãi suất các bên thỏa thuận và đã tự trả cho nhau đến tháng 02/2020, mặc dù lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá mức lãi suất quy định nhưng các bên đã tự trả cho nhau, không có tài liệu gì chứng minh về tiền lãi cũng như thời gian trả lãi và không ai đề nghị tính lại tiền lãi đã trả, mặt khác tiền lãi từ tháng 3/2020 đến nay chị H cũng không yêu cầu chị T trả tiền lãi chỉ yêu cầu trả nợ tiền gốc theo giấy vay tiền. Chị T cũng thừa nhận nợ chị H toàn bộ số tiền 176.800.000 đồng và đề nghị trả nợ dần trong thời hạn 03 năm. Xét đề nghị của chị T không được chị H chấp nhận do đó không có căn cứ cho chị T trả nợ dần. Như vậy yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận cần buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị Ngô Thị H số tiền 176.800.000 đồng. Chị H không yêu cầu anh Hoàng Văn Hùng trả nợ cùng chị T và không yêu cầu chị T trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự thì kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị T không thanh toán tiền cho chị H thì chị T còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[5] Về án phí: Yêu cầu của khởi kiện của chị H được chấp nhận toàn bộ nên chị H không phải chịu án phí được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí là 176.800.000 đồng x 5% = 8.840.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 280, 429, 463, 465, 466, 468, 470 khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị H.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị Ngô Thị H 176.800.000 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

[2]. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày chị Ngô Thị H có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 8.840.000 đồng (Tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Ngô Thị H 4.420.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng phí đã nộp tại biên lai thu số 0005257 ngày 02 tháng 04 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Công Sinh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh